

# KINH THỦ LĂNG NGHIÊM NGHĨA SỞ CHỦ

## QUYỂN 10

(Phần 2)

*Nói về hiện cảnh, có mười:*

*1. Chấp nhân sở nhân, có hai:*

a) Y theo sở giải:

Này A-nan! Ông phải biết người thiện nam này cùng tốt các hành đều không, đối với thức trở về nguồn, sinh diệt đã diệt, mà đối với tịch diệt tinh diệu chưa tròn đầy. Hành ấm tuy hết, sinh diệt đã dứt, thức trở lại nguồn chưa quy về vắng lặng, nên gọi là tinh diệu chưa tròn đầy. Vì thức chưa phá, sinh diệt đang còn sâu kín. Tinh diệu tức là tinh chân diệu minh, có công năng làm cho thân căn mình ngăn cách khai hợp. Cũng cùng với các loại ở khắp mười phương thông giác, giác biết thông hợp có thể vào viên nguyên, trong quán tạm được như vậy, tạm ở trong quán giống như khai căn cách, chưa hoàn toàn dùng lẫn nhau, biết thông các loại: Nghĩa là trong tâm quán này đã thấy chúng sinh mười phương và thân mình đồng một tánh giác, dung hợp lẫn nhau chẳng biết giác khác, đây là năng nhập viên nguyên. Cảnh giới này toàn là bóng thức, chưa phải vắng lặng. Cho nên văn trước nói: Mà đối với vắng lặng tinh diệu chưa tròn đầy. Nếu đối với chỗ quy về lập nhân chân thường, sinh ra thắng giải chính là sinh chấp. Đối với cảnh thông giác của sở nhập này, cho là chân thường, bèn tập làm nhân, có công năng sinh ra tất cả, tức là chỗ được trở về rốt ráo, quyết định không lầm, nên nói là thắng giải.

b) Phán quyết thuộc về bợn tà:

Người này rơi vào chấp nhân, sở nhân, Bà-tỳ-ca-la trở về với Minh đế thành bạn lữ, mê Bồ-đề Phật, quên mất tri kiến, đây gọi là lập tâm, tâm sở, đặc thứ nhất thành chỗ quy về, quả trái với viên thông rất xa, trái với thành Niết-bàn, phát sinh hạt giống ngoại đạo. Đối với thức ấm sở nhân, chấp là chân thường, là nhân của muôn pháp cho nên nói chấp sở nhân, muôn pháp chẳng có nhân, luống dối sinh diệt. Nay chấp

có nhân là tánh chân thường, tức là không khác với sở chấp của ngoại đạo Minh Đế có khả năng sinh ra tất cả. Đây là chấp ban đầu lại thức a-lại-da chưa có hình tượng, còn mù mịt tức là Minh Đế. (chín trăm sáu mươi hai)

Mê Bồ-đề Phật: Bồ-đề dịch là giác, thể của giác là niệm. Tướng là niệm đồng với cõi hư không chẳng có một tướng nào chẳng trùm khắp pháp giới. Nay chấp có pháp từ một nhân sinh ra năng sở khác nhau. Vì thế nói mê không biết như thật, cho nên nói quên mất tri kiến, tâm sở đắc chính là thức ấm. Làm sở đắc trong nhân, làm chỗ quy về trong quả. Ngoài ra vẫn rất dễ hiểu.

Hỏi: Y theo bảy đoạn dưới đều nói có thể, chẳng thể, chỉ có vẫn nay làm nhân cho sở nhân phải không?

Đáp: Vì tất cả các pháp đều từ thức biến, chính là sở nhân. Vẫn dưới nói thẳng đương thể là luống dối cho nên nói chẳng thể.

### 2. Chấp năng, phi năng, có hai:

#### a) Y theo sở chấp:

Này A-nan! Lại người thiện nam cùng tột các hành đều không, sinh diệt đã diệt, mà đối với vắng lặng mâu nhiệm chưa tròn đầy. Nếu ở chỗ quy về xem là tự thể thì tất cả chúng sinh trong mười hai thứ cùng tận cõi hư không, đều là một loại trong thân ta lưu xuất, sinh ra thẳng giải. Chấp ở trước tuy là chấp thức ấm là nhân chân thường nhưng chưa chấp là tự thể. Nay chấp tức là tự thể của ta, tất cả chúng sinh đều từ ta sinh ra, ta có khả năng sinh ra người, chắc chắn không sai.

#### b) Xếp vào bọn tà:

Người này rơi vào chấp năng phi năng, ma-hê-thủ-la hiện vô biên thân thành bần lữ, mê Bồ-đề của Phật, quên mất tri kiến, đó là thứ hai lập năng làm tâm có thể thành quả tôn sùng, quả trái với viên thông, trái với thành Bồ-đề, sinh lên cõi trời Đại Mạn, Ngã trùm khắp viên dung, thật chẳng thể sinh ra chấp lấy đó làm Năng, gọi là Năng, phi năng. Ma-hê-thủ-la là trời Đại Tự Tại, có ba mắt tám tay, ngoại đạo tôn sùng là nhân Năng sinh.

Hiện vô biên thân: Vì chấp Ngã có khả năng hiện khởi vô lượng chúng sinh, nhân đã làm được, quả thành đáng tôn sùng, nhân quả xứng nhau.

### 3. Chấp thường vô thường, có hai:

#### a) Y theo sở chấp.

Lại người thiện nam! Cùng tận các hành là không, đã diệt sinh diệt, đối với sự vắng lặng mâu nhiệm chưa tròn đầy. Nếu đối với sở

quy, có chỗ nương về, tự nghi thân tâm từ người kia lưu xuất, hư không mười phương đều từ người kia mà sanh khởi: Tức ở nơi đó đều sinh khởi chỗ tuyên lưu, cho rằng thân chân thường vô sinh diệt. Đối với sinh diệt chấp là thường trụ, mê mờ đối với bất sinh, cũng mê mờ sinh diệt, an trụ chìm mê, sinh ra thắng giải.

Chỗ quy về là thức ấm, trước xem chỗ quy về là tự thân, nay nhận chỗ quy về là thể khác, cho nên nghi ngờ tự thân và tất cả pháp từ người kia sinh khởi. Đều là đất tuyên lưu: Tức là thức ấm. Vọng cho là người, là chân, là thường, là không sinh diệt. Mê mờ bất sinh tức là bốn giác thường trụ chẳng sinh ra các pháp, mê mà không hiểu. Cũng mê bất sinh. Vọng cho thức ấm là chân thường, cả hai đều không biết gọi là chìm vào mê, cố chấp không chuyển nên nói an trụ.

b) Xếp vào bọn tà:

Người này rơi vào chấp thường, chẳng thường, chấp trời Tự Tại thành bạn hữu. Mê Bồ-đề Phật, quên mất tri kiến, đây gọi là thứ ba lập loại nhân nương vào tâm thành vọng chấp, quả trái với viên thông, trái với thành Bồ-đề, sinh ra hạt giống viên thông đảo lộn.

Đối với vô thường vọng chứng là thường, gọi là chấp thường, vô thường.

Trời Tự Tại tức là Thủ-la.

Trước chấp người từ ta sinh ra, nay chấp ta từ người sinh ra, cho nên nói chấp Tự Tại, vì nương vào tâm tức là thức ấm.

Lập thành thể của người, chấp năng sinh ra Ngã, cho nên đồng với ngoại đạo, chấp người kia là thường.

4. *Chấp biết không biết, có hai:*

a) Y theo số giải:

Lại người thiện nam! Tận cùng các hành là không, sinh diệt đã diệt nhưng đối với vắng lặng mầu nhiệm chưa tròn đầy: Nếu đối với sở tri biết tròn khắp, do biết mà lập giải. Mười phương cỏ cây đều gọi là hữu tình chẳng khác với người.

Cỏ cây là người, người chết trở lại thành cỏ cây mười phương; không phân biệt biết khắp, sinh ra thắng giải.

Sở tri tức thức ấm, là cảnh sở tri của quán hành kia. Thức ấm có khả năng biến ra tất cả các pháp, nên gọi là Biến viên.

Ngộ các pháp này từ cái chết biến khởi, lấy cái biết làm thể. Cho nên nói là nhân biết mà lập giải.

Câu cỏ cây mười phương v.v... trở xuống tức là giải về hành tướng, y báo, chánh báo này đều từ cái biết mà có, đâu được một biết một

không biết ư? Cho nên nói không phân biệt, tất cả đều biết, tự cho là quyết định không sai nên nói Thắng giải.

b) Xếp vào bọn tà.

Người này rơi vào các chấp biết và không biết. Bà-tra, Tán-ni, tất cả đều biết, thành bạn của mình, mê lầm Bồ-đề của Phật, quên mất tri kiến. Đây gọi là thứ tư chấp tâm biết tròn đầy, thành quả sai lầm, trái với viên thông, trái với thành Niết-bàn, sinh ra hạt giống biết điên đảo, cỏ cây vô tri mà chấp có biết, cho nên nói chấp tri, vô tri. Về hai ngoại đạo Bà-tra và tán-Ni. Kinh Niết-bàn nói:

Ba-tư-tra và Tiên-ni, là âm Phạm tiểu chuyển, đã chấp vào tất cả giác, tức là cỏ cây có mạng sống, biết tròn đầy tức là biết khắp.

Quả sai lầm: Phân tách thành vọng tưởng. Đây là không biết rõ đều là vọng thức, sở biến vọng tưởng ngưng kết giả lập, vọng tưởng vô tình lưu động giả danh là hữu tình. Như văn trước nói: Tưởng lắng trong thì thành cõi nước, tri giác là chúng sinh. Vì vọng thức bất thiện lường dối có phần trong, phần ngoài, cho nên thành chấp trước.

5. *Chấp sinh, vô sinh, có hai:*

a) Y theo sở chấp:

Lại người thiện nam tận cùng các hành pháp là không, sinh diệt đã diệt, nhưng đối với vắng lặng mầu nhiệm chưa tròn đầy. Nếu đối với căn viên dung hỗ dụng đã được thuận theo, thì giáo hóa đầy đủ tất cả chúng sinh, tìm ánh sáng của lửa, thích sự thanh tịnh của nước, thích sự lưu động của gió. Quán trần thành tự, thấy đều tôn sùng. Phát các trần này làm bốn nhân, cho là thường trụ.

Đối với căn hỗ dụng được thuận theo, vì giống như quán tạm được tương ứng. Cho nên nói thuận theo.

Bèn đối với giáo hóa tròn đầy tất cả phát sinh, tất cả các pháp đều gọi là biến hóa, nên nói giáo hóa tròn đầy, đều có khả năng tu tập, đều thành quả Thánh. Cho nên nói tất cả phát sinh, vì đối với một căn tạm được các dụng, do đây mà biết. Tất cả cũng vậy, đều ở trong cái không thấy biết mà tu thành thấy biết, chấp quả thường trụ, cho nên tìm lửa, thích nước, yêu gió, quán trần.

b) Xếp vào bọn tà:

Người này rơi vào chấp sinh, bất sinh. Các vị Ca-diếp ba và Ba-la-môn hết lòng thờ phụng thân lửa, thân nước, cầu ra khỏi sinh tử, thành bạn bè mình, mê Bồ-đề của Phật, quên mất tri kiến, đây gọi là thứ năm chấp trước tôn sùng tâm mê, theo vật lập vọng, cầu nhân cầu vọng, mong quả trái với viên thông, trái thành Niết-bàn, sinh ra hạt giống

giáo hóa điên đảo.

Tánh của bốn đại thật không thể sinh ra quả thường trụ, chấp là Năng sinh cho nên nói chấp sinh vô sinh, tâm mê theo vật. Mê mất duy tâm sở hiện nhưng đều thuận theo tôn thờ để cầu thường trụ. Nhân quả đều lưỡng đối, cho nên thành vọng cầu vọng.

6. *Chấp trở về, không trở về, có hai:*

a) Y theo sở giải:

Lại người thiện nam! Tận cùng các hành pháp là không, sinh diệt đã diệt, nhưng đối với sự vắng lặng mâu nhiệm chưa tròn đầy. Nếu đối với sự tròn sáng, chấp hư trong minh chẳng phải diệt các biến hóa, lấy chỗ nương diệt hẳn làm chỗ nương quy về, sinh ra thắng giải (chín trăm sáu mươi ba).

Trong sự sáng suốt rỗng không là lý tròn sáng, tức là thức sở quán. Sinh diệt đã diệt, cho nên trong sự sáng suốt mà rỗng không, chẳng phải tức là diệt, nên nói chẳng diệt. Sắc, thọ, tưởng, hành thuộc về tất cả pháp, nên gọi là quần hóa, chỗ nương diệt hẳn tức là hư trong hư. Đây là chấp không làm chỗ nương cho sở quy, tức là Niết-bàn.

b) Xếp vào bọn tà:

Người này rơi vào chấp quy, vô quy. Trong tầng trời Vô Tướng các Thuấn nhĩ-đa hợp thành bạn lữ, mê Bồ-đề của Phật, quên mất tri kiến. Đây gọi là tâm viên dung hư vô thứ sáu, trở thành rỗng không mất quả, trái với viên thông, trái với thành Niết-bàn, sinh ra hạt giống đoạn diệt

Trong sự sáng suốt mà rỗng không này, thật chẳng phải là chỗ quy về mà chấp là quy về. Cho nên nói là chấp quy, vô quy.

Trong tầng trời Vô Tướng, năm trăm đại kiếp tâm tưởng không hiện hành.

Thuấn nhĩ-đa: tức là Bốn không xứ, tâm tròn sáng hư vô, nhân đoạn diệt, rỗng không mất quả, quả đoạn diệt.

7. *Chấp tham, chẳng tham, có hai:*

a) Y theo sở chấp:

Lại người thiện nam cùng tận các hành pháp là không, sinh diệt đã diệt, nhưng đối với sự vắng lặng mâu nhiệm chưa tròn đầy. Nếu đối với viên thường, chấp thân này là bền chắc, là thường trụ, đồng với tinh viên, sống lâu không chết, sinh ra thắng giải, chấp thức ấm là viên thường, muốn giữ thân này bền chắc cũng đồng với thức ấm. Cho nên nói đồng với tinh viên, sống mãi không chết.

b) Xếp vào bọn tà:

Người này rơi vào chấp tham, vô tham, làm bạn với bọn A-tư-đà cầu mạng sống lâu, mê Bồ-đề Phật, quên mất trí kiến gọi là thứ bảy chấp đấm mạng sống, giữ chặt nhân vọng, hưởng đến quả lao nhọc, trái với viên thông, trái với thành Niết-bàn, sinh ra loại vọng kéo dài mạng sống. Căn thân luống dối vốn là vô thường, thật không nên tham đấm cho là lâu dài.

Nay cố tham đấm vọng chấp sống lâu, cho nên nói chấp tham, không tham.

A-Tư-Đà: Hán dịch là Vô Tỷ, là vị tiên Trường Thọ. Quả lao nhọc: Lao là lao cố, chữ ấy là nhầm. Vọng chấp kéo dài tuổi thọ nên nói vọng kéo dài.

8. *Chấp chân phi chân, có hai:*

a) Y theo sở giải:

Lại người thiện nam! Tận cùng các hành pháp là không, sinh diệt đã diệt, đối với sự vắng lặng nhiệm mầu chưa tròn đầy, quán mạng sống thông nhau, để lại trần lao sợ này tiêu mất, ngay trong đời này ngồi trong cung hoa sen, rộng hóa thành bảy chất báu, thêm nhiều báu nữ, buông lung tâm mình, sinh ra thắng giải. Quán thức ấm là mạng sống của chúng sinh mười phương, vốn là chỗ quan trọng chung của mười hai loại sinh mạng. Bởi vậy mạng ta thông với người, mạng người thông với ta, cho nên nói thông nhau.

Nay quán nếu thức ấm cùng tận thì mạng chúng sinh mười phương đều cùng tận, mạng ta cũng cùng tận. Nếu cùng tận thì dạy ai chứng lý chân thường?

Ai: là chúng sinh được giáo hóa, luống có chân thường mà không ai chứng chân cho nên nói lưu lại ở trần lao, lại khởi tham dục, hóa ra cung hoa sen và cảnh dục, buông lung thọ dục lạc, mưu đồ mạng sống bất diệt, nếu muốn chứng chân phải khởi dùng hóa vật, chấp này cố định không dời đổi, cho nên nói thắng giải. Việ: Là báu nữ.

b) Xếp vào bọn tà:

Người này rơi vào chấp chân, vô chân, làm bạn với Tra-chỉ-ca-la, mê lầm Bồ-đề Phật, quên mất trí tuệ gọi là thứ tám phát nhân tà tư, lập quả trần lao dữ dội, trái với viên thông, trái với thành Niết-bàn, sinh ra hạt giống ma trời, khởi lên mê hoặc, buông lung tà dục, thật chẳng phải chứng chân, suy tính cho đây có thể chứng chân khởi dụng. Cho nên nói chấp chân phi chân.

Tra-chỉ-ca-la: Chưa thấy dịch đúng. Đây có thể là hóa thọ dụng của cảnh dục, tức là trời Tự Tại ở cõi Dục. Nhân tà tư: Tức là trong định

phát ra tà niệm, không thể quán sát khéo léo. Do đó sinh khởi việc trần lao dữ dội, cho nên đồng với ma trời.

9. *Thanh Văn định tánh, có hai:*

a) Y theo sở giải:

Lại người Thiện nam, tận cùng các hành pháp là không, sinh diệt đã diệt, nhưng đối với sự vắng lặng nhiệm mầu chưa tròn đầy. Đối với mạng mình, phân biệt tinh thô, quyết đoán chân ngụy, nhân quả đều trả nhau, chỉ cầu cảm ứng, trái với đạo thanh tịnh. Gọi là thấy khổ dứt tập, chứng diệt tu đạo, diệt đã diệt rồi, không còn tiến tới, sinh ra thắng giải. Thức ấm hiển bày nên nói là mạng mình, thức là loại bao gồm hữu lậu vô lậu. Nay ở đây phân biệt chọn lựa.

Khổ tập hữu lậu nên gọi là thô, gọi là ngụy.

Đạo diệt vô lậu nên gọi là tinh, là chân, chọn lựa dứt bỏ khổ tập thô ngụy, giữ lại tinh chân đạo diệt, nên nói là phân biệt tinh thô.

Tu đạo là cảm, chứng diệt là ứng. Nhưng chấp đắm ở đây cho nên nói chỉ cầu.

Trái với đạo thanh tịnh: Nghĩa là vốn tu viên quán, pháp giới bình đẳng lìa như hai bên, gọi là đạo thanh tịnh. Nay phát sự hiểu biết nhầm chán, ưa thích của Tiểu thừa nên nói là trái, cái gọi là v.v... trở xuống là giải thích nghĩa trước

b) Xếp vào bọn tà:

Người này rơi vào Thanh Văn định Thánh, làm bạn với các vị Tăng Tăng thượng mạn, ít học, mê lầm Bồ-đề của Phật, quên mất tri kiến. Đây gọi là thứ chín viên tinh ứng tâm thành quả hưởng về vắng lặng, trái với viên thông, trái với thành Niết-bàn, sinh ra hạt giống ràng buộc.

Định tánh: Lại y theo một thời kỳ thú hưởng về sự vắng lặng không thay đổi, xếp vào định tánh, thật có kiếp số, cuối cùng hưởng về Thượng thừa.

Tăng ít học: Nghĩa là không hiểu rõ thức ấm, mê làm Niết-bàn cho nên đồng với ở đây.

Viên: Là trùm khắp.

Tinh: Là không thô.

Đã lìa hành ấm là nguồn gốc của các mạng, cho nên nói viên tinh.

Xứng với vọng chấp nên nói là ứng tâm.

10. *Duyên giác định tánh, có hai:*

a) Y theo sở giải:

Lại người Thiện nam, tận cùng các hành pháp là không, sinh diệt đã diệt, nhưng đối với sự vắng lặng mầu nhiệm chưa tròn đầy. Nếu đối với viên dung thanh tịnh giác minh, phát sinh sự nghiên cứu sâu mầu liền lập Niết-bàn mà không tiến lên. Sinh ra thặng giải: Bản giác viên dung, giác thể thanh tịnh. Nay thấy thức ấm, lìa hành sinh diệt. Cho nên vừa sâu xa vừa mầu nhiệm, lập thành Niết-bàn, không biết trôi lăn cho nên không tiến lên.

b) Xếp vào bọn tà:

Người này rơi vào Bích-Chi định tánh, làm bạn với Duyên giác, Độc giác, không biết hồi tâm, mê lầm Bồ-đề của Phật, quên mất tri kiến. Đây gọi là loại thứ mười viên giác hợp tâm, thành quả tròn sáng, trái với viên thông, trái với thành Niết-bàn, sinh cái biết tròn sáng, mà không biến hóa hạt giống tròn sáng. Cho thức ấm là viên giác, phù hợp vọng chấp là hợp tâm.

Vắng lặng bất động, chẳng có điều gì không biết rõ, cho nên nói là vắng lặng tròn sáng.

Chứng biết sự tròn sáng của giáo không có diệu dụng thương xót hóa độ cho nên nói không có hạt giống giáo hóa tròn đầy.

Luận Duy Thức nói: *Thanh Văn sơ khổ chướng, Duyên giác xả sinh chướng, chính là loại này.*

\* **Kết: Khuyên mở mang giảng nói, có bốn:**

1. *Kết luận bác bỏ lỗi ở trước:*

Nầy A-nan! Mười thứ thiên-na giữa chừng thành cuồng như thế, do nương vào mê hoặc, đối với chưa đủ mà sinh chứng đầy đủ. Đây đều là do thức ấm dụng tâm giao nhau, cho nên sinh ra giai vị này, chúng sinh ngu mê không tự lường biết, gặp hiện tiền này đều đắm vào tâm mê tập khí trước kia mà tự thôi dứt, cho là rốt ráo trở về, tự nói đầy đủ Bồ-đề vô thượng, thành đại vọng ngữ, bị ngoại đạo tà ma chiêu cảm nghiệp, chết đọa ngục Vô Gián. Thánh văn, Duyên giác không thành tăng tiến.

Nửa chừng thành vọng: Mới là tự giác, chưa thành bất thối, tà tuệ phát sinh, cho nên nói thành cuồng, không quán sát sự sinh diệt nhỏ nhiệm của thức ấm bèn cho là đã chứng, cho nên nói nhân y theo mê hoặc v.v... vẫn còn lại rất dễ hiểu.

2. *Khuyên mở mang, giảng nói:*

Các thầy có tâm đến với đạo Như-lai thì sau khi ta diệt độ truyền bá pháp môn này cho đời sau, giúp cho khắp các chúng sinh hiểu rõ nghĩa này, không để cho các ma gây ra các yêu nghiệt. Che chở cứu



giúp chúng sinh, dứt trừ tà duyên, giúp cho thân tâm họ nhập vào tri kiến Phật, từ đó thành tựu không gặp nhiều lối rẽ, tha thiết khuyên đời sau, làm cho chúng sinh biết rõ khi thức ấm chưa hết có mười cảnh này phát sinh, biết mà giác sát, thấy ma tự dứt, mê mà chấp đắm, chắc chắn rơi vào thiên tà.

Nhập vào tri kiến Phật là quả vị chứng chân.

Từ đầu: là mới tu.

Thành tựu: tức là quả mãn.

Giữa đường không gặp lối rẽ: là không có tướng dua nịnh, tức mười loại trước.

### 3. Nói về sở thừa của Phật:

Pháp môn như thế, vô số Như-lai trong Hằng hà sa kiếp ở đời quá khứ, nhờ đây mà tâm khai mở, được đạo Vô thượng: Chẳng có Đức Phật nào, không nhờ năm ấm mà được Bồ-đề, đều có thể hiểu rõ cho nên tránh được ngã rẽ.

### 4. Công dụng ấm tận:

Nếu thức ấm cùng tận, thì các căn hiện tiền của ông hồ dụng, từ trong hồ dụng, có thể nhập vào Càn Tuệ Kim Cương của Bồ-tát.

Các căn hiện tiền hồ dụng: Tức là tiệm thứ thứ ba ở trước chứng Vô Sinh pháp nhãn. Văn trước đã thấy, từ trong hồ dụng nhập vào càn tuệ, tức là hồ dụng này chính đã nhập vào càn tuệ địa. Hồ dụng là địa vị tự tại. Như văn trước nói: Trở lại dòng toàn nhất, sáu dụng không hiện hành, cho đến tất cả sự mâu nhiệm mật viên của Như-lai đều hiện trong đó. Người này liền được Vô Sinh pháp nhãn. Từ sự tiệm tu này, tùy theo hạnh đã phát, an lập Thánh vị, đó gọi là tăng tiến thứ ba tu hành tiệm thứ. Đây là bắt đầu từ Càn Tuệ, cuối cùng đến Đẳng giác, đều không lìa tiệm thứ ba này mà kiến lập. Nay y theo chung mà vào riêng, cho nên nói từ trong hồ dụng mà vào.

Nói Kim Cương: Vì hành nhân này từ đầu đến cuối do tu tập Tam-muội Kim Cương mà thành tựu. Cho nên văn trước nói: Các Địa đều là Kim Cương, quán sát mười dụ sâu xa như huyễn. Trong Xa-ma-tha, dùng Tỳ-Bà-Xá-Na của các Như-lai, thanh tịnh tu chứng dần dần thâm nhập. Hoặc có thể ngay đây y theo người lợi căn đến Càn Tuệ địa tinh tâm phát hóa, vượt qua nhân vị, thẳng vào Diệu Giác cho nên được gọi là Kim Cương.

Nếu kể độn căn tùy theo hạnh đã phát, lại trải qua các giai vị, cho nên không được gọi là Kim Cương, chỉ gọi là Càn Tuệ. Nếu đem vị này lập trong tâm sau Đẳng giác, như văn trước nói thì ngược dòng Như-lai,

bởi vậy Bồ-tát thuận hạnh mà đến. Bồ giác giao nhau gọi là Đẳng giác, đầu thế đối với giao nhau lại lập Càn Tuệ địa ư.

Người xưa mê lầm điều này, đối sau Đẳng giác lại lập một vị Kim Cương Càn Tuệ thật là nhầm lẫn cho người học sau, lý trình bày đều không, nên chẳng dám nghe theo, viên minh tinh tâm phát hóa trong đó, như trong tịnh lưu ly chứa đựng trăng báu, như vậy cho đến vượt qua. Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, bốn tâm gia hạnh. Bồ-tát sở hành, Kim Cương Thập địa, Đẳng giác tròn sáng, vào biển diệu trang nghiêm của Như-lai, Bồ-đề tròn đầy, trở về vô sở đắc, đối với tâm Càn địa đã chứng được tròn đầy mâu nhiệm. Tánh của tâm này thuần phát ra các hạnh, thuần đủ các đức. Cho nên nói phát hóa, tâm tuệ như lưu ly, nhân hạnh như vật báu, quả đức như trăng. Trong ví dụ này hiện một trong vô lượng vô lượng. Nhân hạnh quả đức này cùng lúc đầy đủ tròn sáng không ngăn ngại, cho nên nói trong lưu ly chứa đựng vầng trăng báu.

Vượt nhân vào quả: Do phát hóa nhân quả ở trước đầy đủ mới được vượt lên. Phước đủ nên gọi là biển Trang nghiêm. Tuệ đủ cho nên nói tròn đầy Bồ-đề. Lý cùng tột nên nói trở về vô sở đắc, tức là đại Niết-bàn thường vắng lặng vô đắc, đây là viên thuần hạ căn lại lợi ích. Do phẩm hạ nên đến khi thức ấm cùng tận mới được nhập vị. Vì lợi là đối với sự phát hóa này đã vượt qua các vị.

Hỏi: Thọ ấm trước cùng tận, tức là ta nói ở trên trải qua sáu mươi Thánh vị của Bồ-tát. Nay thức ấm đã cùng tận, vì sao nói vượt hơn?

Đáp: Trước là nói theo thượng căn lợi độn, nay cũng phải có người đốn siêu. Nay nói theo hạ căn lại lợi ích, nên nói là siêu việt. Thọ ấm phá cũng phải có năng lực Thánh vị, trước sau cùng hiện, tướng ấm hành ấm cùng tận, phải là nơi trung căn trải qua. Vì lược bỏ cho nên không nói.

***Kết thúc khuyên răn, có bốn:***

***1. Chỉ chung việc ma:***

Đây là Tiên Phật, Thế tôn quá khứ, trong Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na giác minh phân tích việc ma sâu kín. Giác minh là quán tuệ.

***2. Biết thì lìa tà:***

Cảnh ma hiện tiền, ông có khả năng biết rõ, tâm như gọi trừ, không rơi vào tà kiến, ám ma tiêu diệt, thiên ma tan nát, quỷ thần đại lực chết ngắt, ly mị vọng lượng không còn sống được, thẳng đến Bồ-đề không thiếu sót, thấp kém tăng tiến, tâm không mê muội đối với Niết-bàn, chữ sĩ tức là dứt trừ, hồn ma chạy đi mà trốn mất.

*3. Nói riêng về công năng thần chú:*

Nếu trong thời Mật pháp các chúng sinh ngu độn chưa biết thiên là gì, không biết nói pháp, ưa tu Tam-muội, ông sợ đồng với tà, nhất tâm khuyên họ trì chú Đà-la-ni Phật Đảnh của ta. Nếu không thể tụng thì viết ở thiên đường, hoặc đeo trong mình, tất cả các ma không thể nào động đến được, không tu định thứ lớp riêng, cho nên nói chưa biết thiên, chưa học trí tuệ phương tiện, cho nên nói không biết nói pháp. Định tuệ không học mà thích an thiên, cảnh ma hiện tiền ai phân biệt được chánh tà, phải khuyên họ trì chú, an ổn chánh giải ngăn ngừa tà lự thì không rơi vào đường ma.

*4. Khuyên làm cho kính vâng lời làm theo:*

Ông phải cung kính các Đức Như-lai mười phương rốt ráo tu tiến về phép tắc sau cùng của ta, đây là các Đức Như-lai nói về rốt ráo liễu nghĩa, lại là thời thuyết sau cùng khi ra đời, nên nói phép tắc sau cùng.

***A-nan do nghe mà thưa hỏi, có hai:***

*1. A-nan hỏi, có ba:*

a) Kính vâng điều nghe trước:

A-nan liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi nghe Phật chỉ dạy, đánh lễ cung kính, nhớ giữ không để mất.

b) Ba lần thưa hỏi:

Ở trong chúng lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Như lời Phật nói, trong tướng năm ấm có năm thứ luống dối làm gốc tâm tưởng, chúng con bình thường chưa được Như-lai chỉ bày sâu xa, là hỏi vọng tưởng, chưa nghe năm ấm đều là về vọng tưởng mà tên có khác.

Lại năm ấm này dứt trừ hết, là thứ lớp hết, là hỏi dứt trừ đốn tiệm, đều tức là Đốn. Năm lớp như thế, đến đâu làm giới, là hỏi về bờ mé giới, tức là giới phần.

c) Cầu được mở bày:

Cúi mong Đức Như-lai đại từ giảng nói, vì đại chúng này mà làm sáng tỏ tâm mắt, làm con mắt cho tất cả chúng sinh đời Mật pháp.

Nói hai bên mắt đều dụ cho tâm, tâm sáng suốt chiếu rõ như cái thấy của mắt.

*2. Như-lai đáp, có hai:*

a) Đáp ngay lời hỏi, có ba:

a.1) Đáp vọng tưởng, có ba:

\* Nói chung, có hai:

- Bày chân giác viên tịnh:

Phật bảo A nan! Tinh chân diệu minh bốn giác viên tịnh, chẳng

lưu lại sinh tử và các bụi nhỏ.

- Tinh chân là Pháp thân:

Diệu minh là Bát-nhã.

Viên tịnh là Giải thoát.

Ba đức viên dung chỉ một bốn giác.

Sinh tử là đường khổ.

Bụi nhơ là nghiệp phiền não.

Đây là diệu tánh tròn sáng, là các danh tướng.

\* Nói về vọng tưởng phát khởi, có ba:

- Thuận bày vọng khởi:

Cho đến hư không đều do vọng tưởng sinh khởi.

Đây vốn là Bốn giác, diệu minh chân tinh vì vọng nên phát sinh các khí thế gian như Diễm-Nhã-Đa mê đầu nhận bóng: Không trình bày đầy đủ sắc tâm hai thứ nối nhau nên nói cho đến. Hư không vô vi còn do vọng sinh ra hướng chi tất cả pháp cuồng si, cho nên giống như nhận bóng.

- Lại phá nhân vọng, có ba:

• Chỉ bày không có nhân:

Vọng vốn không có nhân, đối với vọng tưởng lập ra tánh nhân duyên. Đã gọi là vọng, làm sao có nhân? Nếu có sở nhân thì không gọi là vọng, cho nên nói không có nhân. Từ các vọng tưởng xoay vần nhân nhau giao vọng phát sinh, thứ lớp làm hạt giống cho nhau, cho nên nói ở trong vọng tưởng lập tánh nhân duyên.

• Phá vọng chấp:

Mê nhân duyên gọi là Tự nhiên. Tánh hư không kia dường như thật mà huyền sinh. Nhân duyên tự nhiên đều do chúng sinh vọng tâm chấp trước, nói có nhân duyên còn là vọng chấp, lại chấp nhận tự nhiên thì càng gấp bội ở trong mê. Cho nên nói chúng sinh vọng tâm chấp trước.

• Tổng kết bác bỏ:

Này A-nan! Biết chỗ khởi của vọng, nói nhân duyên của vọng, nếu vọng vốn vô thì nói nhân duyên, vọng vốn chẳng thật có, hướng chi không biết suy ra tự nhiên. Nếu biết vọng khởi mà cho phép nói nhân duyên, vọng vốn vô sinh, nói nhân duyên gì, nhân duyên còn được lập ra trong vọng, hướng chi chẳng biết là vọng, suy ra tự nhiên hay sao?

\* Kết luận thành vọng tưởng:

Cho nên Như-lai phát minh cho ông biết bản nhân của năm ấm đều là vọng tưởng. Nhân của năm ấm do vọng kết thành, đây là lập

tánh nhân duyên trong vọng tưởng. Tánh nhân duyên này quyền lập trong vọng. Muốn làm cho rõ pháp vốn không thật có, cho nên đồng gọi là một vọng tưởng.

Nói riêng, có năm: a.2.1)

Sắc:

Thân ông trước do cha mẹ tưởng mà sinh ra, tâm ông chẳng tưởng thì không thể đến truyền mạng trong tưởng, chính là chỉ cho tưởng này. Nhận di thể của cha mẹ mà thành thân này, di thể tức là tưởng, ái lưu xuất. Cho nên nói do cha mẹ tưởng mà sinh ra. Ông gá vào âm cũng là do tưởng ái mà có. Vì lấy di thể của tưởng làm cảnh cao quý, thức hưởng về cha mẹ kết thành bào thai, cho nên nói tâm ông chẳng tưởng thì không đến truyền mạng.

Đây là ba chỗ vọng tưởng hòa hợp kết thành thân này. Như ta trước nói: tâm nghĩ đến me chua thì trong miệng gchảy nước miếng, tâm tưởng bước lên cao, thì lòng bàn chân nghe rờn rợn, dốc núi không có, vật chua chưa đến, thân ông chắc chắn chẳng phải thông luân với luồng đối. Nước trong miệng làm sao do nghe nói me mà chảy ra, dẫn trước giải thích thành, tức là văn dẫn phá tưởng ấm.

Sườn núi dốc, me chua đều không đến thân, chỉ do ông nghĩ mà trong miệng ông sinh ra nước miếng. Nếu không đồng loại với vọng tưởng thì đâu có nước sinh ra. Thông luận giống như đồng loại.

Cho nên biết, Ông hiện sắc thân gọi là vọng tưởng vững chắc bậc nhất. Kết quy để đặt tên, lấy đây để nghiệm thì thế nào là chẳng tưởng cho nên nói nên biết.

Vọng tưởng ngưng kết thì thành sắc ấm, cho nên nói vững chắc.

a.2.2) Thọ: Tức là ở đây nói tâm tưởng lên cao làm cho thân ông chân thật cảm nhận chua chát. Do nhân thọ sinh làm khuấy động sắc thể, nay ông chạy theo hai thứ hiện tiền thuận ích trái tổn, gọi là hư minh vọng tưởng thứ hai.

Bốn câu trước nhiếp tưởng động thân về sắc ấm, tức nói thọ ấm chính là vọng tưởng.

Câu do nhân, v.v... trở xuống là nói về chánh. Vì tưởng me chua, v.v... mà có lãnh thọ, nếu chẳng lãnh nạp thì làm sao có nước mà sống.

Lãnh thọ ở đây cũng là vọng tưởng chuyển biến vọng sinh ra lãnh nạp.

Hai thứ rong ruổi, tức là lãnh nạp pháp thuận nghịch này sinh ra pháp khổ vui mà thành tổn ích, bị chúng sai sử, cảnh chiếu soi mà lãnh nạp rỗng suốt vô ngại, nên nói là hư minh.

Tưởng:

Do ông suy nghĩ khiến sắc thân ông, thân chẳng phải niệm, thân ông vì sao bị niệm sai sử, chấp đắm các cảnh tượng, tâm sinh ra chấp thân, tương ứng với niệm. Thức là tưởng tâm, ngủ là các giấc mộng. Chính là tưởng niệm của ông vọng tình xao động, gọi là dung thông vọng tưởng thứ ba: hai câu đầu là nêu, niệm lự là tưởng, thân tâm sai sử đều là hành vi của tưởng.

Câu: Thân không phải niệm trở xuống là giải thích.

Ba câu đầu là trái với chất, nếu chẳng thuộc loại tưởng, thì đâu phải theo niệm.

Năm câu các thứ v.v... trở xuống chính là hiển bày. Hễ chấp chặt tiền cảnh thì trước phải tưởng tượng, sau đó thân mới theo. Nếu tưởng là thật thì đâu cần thân để chấp. Nếu thân không phải tưởng thì chẳng thể hiện hành. Cả hai đã cần thì đâu chẳng phải luống dối ư? cho nên nói tương ứng với niệm. Ngủ và thức tuy khác nhưng đều do tưởng làm ra, ngủ đã thành mộng, mộng chẳng có thật, nên biết cái tưởng lúc thức đâu phải là thật? Câu thì cái tưởng của ông v.v... là kết. Cho nên biết cái tưởng tượng là hiện nay niệm lự, chính là do vọng tình dao động cho nên như vậy, đâu chẳng phải vọng, dung sắc chất, thông tâm niệm, biến cảnh tượng thành mộng寐, cho nên nói dung thông vọng tưởng.

Hành:

Hóa lý không trụ, nhậm vận sâu kín, móng tay dài, tóc mọc, khí tiêu tan, dung mạo hủy hoại, ngày đêm thay nhau không hề giác ngộ. Đây là nói về tưởng của hành, hai câu đầu là nêu. Hành ấm đổi đời, sâu kín khó biết, cho nên nói không trụ, đổi đời kín đáo. Câu móng tay dài v.v... trở xuống là giải thích.

Ba câu trước giải thích về bất trụ, một câu sau nói lên nghĩa chuyển đời kín đáo.

Nầy A-nan! Đây nếu chẳng phải thân ông vì sao nói tự thể đổi đời. Nếu chắc chắn là chân, sao ông không biết thì các hành của ông niệm niệm không dứt, gọi là u uẩn vọng tưởng thứ tư.

Chỉ bày luống dối, chân là thật, nếu hành ấm chẳng phải thể của ông vì sao lại thay nhau không dừng. Lại nếu thật là thân ông vì sao không hay biết sinh diệt, chẳng phải ông thì không được, là ông không có chỗ nương tựa, cho nên biết là luống dối.

Câu thì ông v.v... trở xuống là kết luận về tên gọi tưởng.

Ấm thâm đổi đời khó biết, nên nói là u ẩn.

Thức, có hai:

\* Nói về tướng:

Lại ông tinh minh vắng lặng, không có chỗ lay động gọi là thường hằng. Đối với thân không lưu xuất ra thấy, nghe, hay, biết, đây là nhắc lại cho thể của thức.

Ba câu đầu là nhắc lại chấp. Hành nhân cho rằng cái rõ biết sâu kín là hành ấm sinh diệt, vắng lặng bất động là thường trụ, tức là thức ấm.

Câu đối với thân v.v... trở xuống là chỉ cho thể. Thức ấm đâu vượt qua thấy, nghe, hay, biết, đây là chỉ cho dụng. Nếu thật là tinh chân, không chứa tập vọng, thì do đâu mà các ông năm trước thấy một vật lạ, trải qua năm tháng nhớ quên đều không. Sau đó, bỗng nhiên thấy lại vật trước, ghi nhớ rõ ràng không hề mất. Cho nên trong cái tinh liễu vắng lặng không lay động, niệm niệm được huân, có gì phải tính toán, chính là nói về luống dối.

Hai câu đầu là nêu. Nếu cái vắng lặng tròn sáng này là tánh chân thật, không được dung thọ tập khí luống dối, tập khí là hạt giống.

Câu do đâu v.v... trở xuống là giải thích thuận chín câu.

Nhớ quên đều không: Nghĩa là lúc trước có nhớ thì có quên. Vốn đã không nhớ, cho nên không nói quên.

Thấy lai: Tức là thấy nữa, thấy nữa đã không sót mất, đây là dung thọ vọng tập.

Nên biết luống dối chẳng phải chân thật vắng lặng.

Câu đây chính là v.v... trở xuống: là kết thúc chỉ bày.

Thọ huân trì chủng: phát khởi hiện hành, sinh diệt trôi chảy không nên chấp đắm.

Lại nói về sự sâu kín:

A-nan nên biết! Sự vắng lặng này không phải chân, giống như dòng nước chảy nhanh mong cho êm ả, chảy nhanh không thấy chẳng phải là không chảy. Nếu chẳng phải nguồn tướng thì đâu có vọng tập, chẳng phải sáu căn của ông hồ dụng hợp khai vọng tướng này thì không lúc nào diệt được. Đây là nói về chỗ sâu kín.

Thức ấm là hành ấm nên gọi là vắng lặng, chẳng phải thường trụ cho nên nói chẳng phải chân. Dụ nước chảy nhanh: phàm phu Nhị thừa không thể biết được, giai vị Thập Địa trở xuống tuy giác chưa cùng tận cho nên nói chảy nhanh không thấy.

Nếu chẳng phải nguồn tướng: Tức là nói đây chính là căn bản vọng tướng, lấy thức thứ tám làm giới, là gốc thú sinh.

\* Bốn câu chẳng phải ông v.v... trở xuống là nói về khó dứt:

Hỗ dụng hợp khai: Tức là nhờ căn mà phát minh. Cho nên nói hỗ dụng, khai là làm cho không ngăn cách. Hợp: là thành một thể.

Như văn trước nói: Ngược dòng toàn nhất, sáu dụng không hiện hành. Khai tức là hợp cho nên nói không khác. Nếu chẳng phải chứng chân thì điều này rất khó dứt.

Cho nên ông hiện tại huân tập cơ yếu trong sự thấy, nghe, hay, biết thì trong cái vắng lặng là vọng tượng hư vô, tinh tướng tinh diệu vi tế diên đảo thứ năm về hư không. Do nhỏ nhiệm mà được gọi tên, đây là huân tập cơ yếu trong các thức, cũng gọi là chỗ vắng lặng sáng suốt không lay động, cho nên nói là vắng lặng, tức là bốn thức. Có mà như không cho nên nói không vọng tượng, tức là không.

Tượng là giống, không có hình chất, nên nói là hư vô.

Y theo hành ấm trước, rất là nhỏ nhiệm, hai, ba lần chỉ bày cho nên nói là nhỏ nhiệm tinh diệu.

b) Tổng kết:

Này A-nan! Đây là năm thọ ấm, thành năm vọng tưởng, năm này chính là pháp chịu báo của chúng sinh, nên gọi chung là Thọ, cũng gọi là năm thủ uẩn, vì chúng sinh chấp vào đây làm tự thể.

Đáp về bờ mé:

Nay ông muốn biết cõi Nhân sâu hay cạn, thì đáp đến chỗ nào là giới. Giới nghĩa là nhân, cũng nghĩa là phần. Nhân nương vào giới mà phân chia bờ mé, giới hạn, nên nói là nhân giới. Chỉ có sắc và không, là bờ mé của sắc.

Sắc là hình sắc.

Không là hiển sắc, cả hai đều thuộc về sắc uẩn vọng sắc, vọng không, hiển hình lẫn nhau, lược nêu sắc không, nhưng thu nhiếp hết tất cả.

Chỉ có xúc và lia là bờ mé của thọ.

Xúc có thuận, có nghịch, tức thành hai thọ khổ vui, lia thì không có trái và thuận, chỉ có một xả thọ. Chỉ có nhớ và quên, là bờ mé của tưởng.

Nhớ quên là quên mất, phan duyên chấp đắm vào hình tượng đều là giới hạn của tưởng ấm. Chỉ có diệt và sinh là bờ mé của hành ấm. Sinh diệt đối đãi, bốn tướng sát-na chỉ là sinh diệt, đều là phần hành ấm.

Trạm nhập với hợp trạm, quy về bờ mé của thức. Trạm là hành ấm, hợp là quy về thức ấm.

Thấy biết bất động, cho là vắng lặng chân thật, đồng với ở đây gọi



là bờ mé của thức ấm, vì thấy hành ấm là pháp sinh diệt, lìa chỗ sinh diệt tức là vắng lặng, đến chỗ tu là phạm vi của thức.

Đáp đốn tiệm:

Gốc của năm ấm này từ nhiều lớp sinh khởi, sinh do thức mà có, diệt từ sắc mà dứt.

Đáp trước là thuần tiêu trừ, là thứ lớp cùng tận. Sinh khởi thì từ tế đến thô, từ trong cảm ngoài, tất cả các pháp do thức biến hiện, cho nên nói sinh do thức mà có, dứt trừ thì trước thô sau tế, từ ngoài vào trong như giặt áo mài gương, như bụi nhơ phải được gột rửa trước. Nhưng khi sinh khởi thật không có trước sau. Một niệm thuần biến là y theo thô tế để nói về pháp quán viên thuần này, dứt cũng chẳng có thứ lớp, khi công hạnh thành thì tự nhiên như vậy.

Lý thì đốn ngộ, nương vào ngộ đều tiêu. Sự chẳng đốn trừ nhân thứ lớp mà cùng tận.

Trước y theo sinh khởi mà dứt trừ, đạo lý hợp nhiên, nếu quyết định hiểu như thế thì đâu biết được luống dối cho nên phải là lý trước sự sau, đốn ngộ dứt dần mới hiểu rõ được nghĩa tu chứng.

Lý thì đốn ngộ. Nếu y theo viên lý chứng ngộ hễ một dứt thì tất cả dứt, không có trước sau, như văn trước nói: Một căn đã về nguồn thì sáu căn thành giải thoát, bụi nhỏ ngay đó, tiêu tan thành tròn sáng mẫu nhiệm, giải ngộ cũng vậy.

Kinh Viên Giác nói: *Biết huyền liên lìa, lìa huyền tức giác, cũng không có thứ lớp, vì tất cả pháp đều từ tâm khởi vọng niệm mà sinh. Niệm là vô niệm, tất cả mau chóng dứt hết. Vì trong chân tánh vốn không có vọng cho nên nói thừa ngộ đều tiêu. Sự không phải đốn trừ, do thứ lớp mà dứt hết. Nghĩa là người năm ấm vọng pháp gọi đó là Sự, ấm đã thô tế khác nhau, thì các pháp thô như vậy trước phải dứt trừ. Giải hạnh tuy đốn nhưng dứt có thứ lớp, mặt trời mọc, đứa trẻ mới sinh đều dụ cho điều này.*

Ta đã dạy ông về gút khăn kiếp-ba, sao không rõ lại còn hỏi nữa.

Đây là dẫn lời nói trước, kết trách chưa rõ. Như văn trước nói: Thể của khăn là đồng, do gút mà có khác. Lại nói trong cái rớt ráo đồng sinh ra rớt ráo khác.

Lại nói: sáu gút đồng thể, khi gút khác nhau tức là khi cột mở đầu có đồng dứt. Đây đều là lý thì đốn ngộ, sự chẳng đốn trừ, thế nào lại hỏi nữa ư? Đốn tiệm ngộ tu như Viên Giác Sớ có nói.

Kết khuyên giảng nói, truyền bá:

Ông phải khai thông cội nguồn tâm vọng tưởng này, truyền dạy cho người tu hành trong thời Mạt pháp ở tương lai, làm cho chúng sinh biết luống dối tự sanh rất nhàm chán, biết có Niết-bàn, không lưu luyến ba cõi.

Như năm thứ vọng tưởng trên là căn bản của năm ấm, năm ấm nhiếp tất cả pháp, cho nên tất cả pháp đều là vọng tưởng.

*Như văn trên nói:* Thế giới Ta-bà cho đến các cõi nước hữu lậu và chúng sinh mười phương đồng là giác minh vô lậu diệu tâm, thấy nghe, hay biết bệnh duyên luống dối, hòa hợp vọng sinh, hòa hợp vọng chết. Ông đã ngộ điều này cho nên nói tâm được khai thông, cũng làm cho người hiểu, nên nói truyền dạy làm cho biết. Nếu biết y báo chánh báo, mình và người đều là một vọng tưởng thì hãy chán bỏ tự thể năm uẩn, cầu Niết-bàn thường lạc.

Ba cõi đâu đáng lưu luyến? Cho nên ở đây dặn dò khuyên mở mang giảng nói, mình và người đều được lợi ích.

Phần lưu thông, có hai:

*1. Như-lai so sánh hiển bày công năng của kinh, có hai:*

a) Nêu bố thí phước vô biên, có hai:

a.1) Hỏi về nhiều:

Này A-nan! Nếu lại có người, mười phương tất cả hư không, đầy khắp bảy báu dâng lên Chư Phật, nhiều như cát bụi thờ kính cúng dường, tâm không tính kể được. Ý ông nghĩ sao? người này đối với nhân duyên cúng dường Phật có được phước nhiều chăng?

So sánh văn này, văn tuy không nhiều nhưng ý đã cùng khắp, sự cao quý về tài của bảy báu đầy khắp hư không càng cao quý.

Chư Phật nhiều như cát bụi là ruộng phước cao quý.

Kính thờ cúng dường không luống uổng là tâm cao quý, lại châu báu như hư không là tâm rộng lớn, dâng lên Chư Phật kính thờ cúng dường là tâm bậc nhất, tâm không luống uổng, tâm với một thời gian dài, bố thí như thế tâm cảnh đều cao quý, phước đức đạt được rất rộng lớn?

a.2) Đáp về cao quý:

A-nan đáp rằng: Hư không vô tận, châu báu vô biên. Thuở xưa, có chúng sinh cúng dường Phật bảy đồng tiền sau khi xả thân rồi được làm vua Chuyển Luân, hưởng chi hiện tiền hư không đã tận cùng với cõi Phật đầy khắp, đều bố thí châu báu cùng kiếp, suy nghĩ cũng không thể kịp. Phước này làm sao có bờ mé?

Cúng dường Phật bảy đồng tiền được làm vua Chuyển Luân là nói

trong các ruộng phước cúng dường Phật là ruộng phước cao quý nhất.

Phước của Luân Vương bảy báu đầy đủ, ngàn người con vây quanh. So với dâng châu báu cùng tận hư không cúng dường Như-lai vật được thì còn cúng kiếp khó nghĩ. Điều đó cảm với phước báu đâu có bờ mé, chẳng phải bậc Nhất Thiết Trí thì không ai biết được.

b) Nói về lợi ích cao quý vượt hơn của kinh, có hai:

Người nói chuyển nghiệp hiển bày muôn phước đức.

Phật bảo A nan! Chư Phật Như-lai nói không luống dối, lời nói này không luống dối làm cho chúng sinh tin sâu lời Phật là chân thật.

Nếu lại có người, thân có bốn tội trọng, mười ba-la-di trong nháy mắt liền qua địa ngục A-tỳ ở phương này phương khác, cho đến cùng tận ngục Vô Gián ở mười phương, chẳng có nơi nào không trải qua, là dạy người có tội cực trọng.

Ba-la-di: Hán dịch là Khí, hoặc dịch là không đáng ưa thích. Vì khí (bỏ) cho nên hiện tại không được tăng dùng. Không đáng vui tức là sẽ vào địa ngục.

Tiểu thừa có bốn tội khí.

Đại thừa có mười tội trọng, phạm đủ bốn tội này thì chịu báo vô cùng. Cho nên trải qua mười phương nơi nào cũng đều đến, A-tỳ là năm ngục Vô Gián.

Có khả năng trong một niệm chỉ bày pháp môn này cho kẻ chưa học trong thời Mạt pháp: là nói lên mở mang truyền bá kinh trong thời gian rất ngắn, tức là bờ mé của một niệm tâm. Hễ mở mang truyền bá kinh thời gian phải lâu dài, đâu thể một niệm mà giảng nói. Nay nói năng lực của mở mang truyền bá kinh rất lớn. Cho nên nêu rất ít để nói lên sự cao quý.

Tội chướng của người này liền tiêu diệt ngay, biến nhân chịu khổ địa ngục thành nước an vui, đó là sự cao quý diệt tội. Người có tội nặng, trong một niệm mở mang truyền bá kinh, kinh có năng lực chuyển quả báo khổ nặng thành quả báo cực vui, được phước nhiều hơn trăm lần ngàn, lần ngàn muôn ức lần người bố thí ở trước. Cho đến tính đếm, thí dụ không thể được, đây là được phước cao quý.

Phước bố thí ở trước đã tự khó lường, nay lại vượt qua ngàn muôn ức lần, thí dụ không thể được sao lạ kỳ như vậy?

Hỏi: Người tội cực nặng có rất ít thời gian để giảng nói cho người nghe, vẫn chưa đáng nói, làm sao diệt nghiệp được phước cao quý như thế?

Đáp: Ở đây có nhiều nghĩa nên được quả báo cao quý, một là do

mở mang truyền bá kinh là lời Phật, giáo lý hạnh quả đều không thể suy nghĩ bàn luận, nghĩa là nói lên tạng tâm Như-lai pháp pháp đều đúng, hữu tình vô tình, có tánh, vô tánh đều thành Phật đạo. Lý này không thể suy nghĩ bàn luận. Phật đánh tâm chú nhân người quả người đều y theo pháp này để dứt ác sinh thiện, nhân lý giáo hóa người, phòng tà hộ chánh, tiến hành nhanh chóng để thành Bồ-đề, đây là giáo không thể suy nghĩ bàn luận.

Viên thông hạnh môn, hai mươi lăm bậc Thánh, Quán Âm cao quý nhất. Đây là hạnh không thể suy nghĩ bàn luận.

Sáu mươi Thánh vị, thứ lớp thứ ba chứng được vô sinh, lại nói Càn tuệ có khả năng vượt qua nhân vị, thẳng vào biển quả. Đây là quả không thể suy nghĩ bàn luận.

Hai là thời Mạt pháp có chướng nạn nhiều, có thể ngay lúc này mở mang truyền bá lời này, tin hiểu chân chánh thật ít có.

Ba là phước bố thí chỉ được quả báo sinh tử, vẫn là tự lợi, cái lợi là sự mở mang truyền bá kinh pháp sẽ đến được vô lậu, có năng lực làm cho người nghe tin hiểu không lầm, lần lần được lợi lạc vô cùng tận. Do đó, một niệm tuy ít nhưng lợi ích rất lớn. Bởi thế có thể hơn phước bố thí châu ở sáu trước.

### *2. Người trì được quả nói về môn trí tuệ.*

Này A-nan! Nếu có chúng sinh nào tụng kinh này, trì chú này, nếu ta nói rộng trong cùng kiếp cũng không hết, y theo giáo ngôn của ta, như giáo mà hành đạo thì thẳng đến Bồ-đề, không còn nghiệp ma nữa.

Nói rộng cùng kiếp cũng không hết, tức văn trước nói. Nếu ta nói chú Phật đánh quang tụ tất-đát-đa, này từ sáng đến chiều âm thanh nối nhau, thì từng câu từng chữ không lặp lại, trải qua hằng sa kiếp cũng không thể cùng tận. Đây là nói nghĩa kinh và người trì công đức không thể lường được

Câu y theo ngôn giáo của ta v.v... là nói sẽ được quả báo rất lớn, có công năng xa lìa việc ma trong ngoài, dùng để khuyên đúng như lời nói mà thực hành. Đây là người mở mang thọ trì kinh được quả báo xa lìa việc ma, chỉ có Phật và Phật mới biết được.

Đại chúng kính nghe lễ bái rồi lui:

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-Bà-tắc, ưu-Bà-Di, tất cả trời người thế gian, A-tu-la và các Bồ-tát phương khác. Nhị thừa, đồng tử Thánh tiên cùng với quỷ thần đại lực mới phát tâm đều vui mừng, làm lễ lui ra: Hai mươi lăm vị Thánh và Diệu Cát Tường tuy mỗi người đều có nói, nhưng công đức thì quy về Phật, gọi chung là

Phật nói.

Ba thứ thế gian cho nên nói tất cả. Khí giới là cảnh sở trụ, thuộc về Bồ-tát Nhị thừa Trí chánh giác, ngoài ra đều có hữu tình thế gian.

Đồng Tử Thánh Tiên: Là một trong các vị tiên vậy, trong kinh có nói chân ngôn này.

Đại hoan hỷ: Tức là gần thì được thế gian, xa thì được bậc Sơ địa xuất thế.

Do ba nghĩa nên nói vui mừng:

1. Người năng thuyết thanh tịnh
2. Pháp sở thuyết thanh tịnh
3. Quả sở đắc thanh tịnh

Do nghĩa này nên nói đều rất vui mừng. Gác bút tụng rằng:

*Dùng ít phần này khen lược kinh Bồ thí giảng nói  
vô cùng tận, Được lợi lạc đều hồi hướng  
Bồ-đề mà thật cõi chúng sinh*

-----